

Đông Triều, ngày 30 tháng 9 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2021

(Kèm theo thông báo số: 208/TB - TrTHCS ngày 30/9/2021 của trường THCS Nguyễn Đức Cảnh)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số: 182/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2021";

Căn cứ quyết định số: 42/QĐ-PGD&ĐT ngày 23 tháng 3 năm 2021 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giảm dự toán ngân sách năm 2021";

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ - PGDĐT ngày 20/5/2021 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "Phê duyệt bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021 thực hiện tuyên truyền về phòng chống tệ nạn xã hội, xâm hại tình dục cho trẻ em" nguồn kinh phí không tự chủ;

Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2021 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý III năm 2021	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Các khoản thu ngoài ngân sách NN				
I	Tổng số thu	765.099.000	409.231.000	53,49	185,69
1	Phí, lệ phí	381.000.000	226.200.000	59,37	-
2	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	28.500.000	0	-	-
3	Tiền học Tiếng Anh NN	221.400.000	93.030.000	42	185,69
4	Tiền nước uống	44.289.000	14.721.000	-	
5	Tiền xe đạp	89.910.000	29.920.000	-	-
6	Tiền kỹ năng sống	131.040.000	45.360.000	-	
II	Chi từ nguồn thu được để lại	896.139.000	248.111.482	28	88,49
1	Phí, lệ phí	381.000.000	65.080.482	17	-



2	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	28.500.000	0	-	-
3	Tiền học Tiếng Anh NN	221.400.000	93.030.000	42	185,69
4	Tiền nước uống	44.289.000	14.721.000	33	160,36
5	Tiền xe đạp	89.910.000	29.920.000	-	-
6	Tiền kỹ năng sống	131.040.000	45.360.000	35	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	205.797.405	-	39,68
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0		-	-
IV	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm		20.402.595	-	39,68
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.288.000.000	4.664.611.884	74	98
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.279.000.000	4.664.611.884	74,29	98
a	Chi thanh toán cá nhân	5.509.000.000	3.407.844.860	61,86	101
	Mục 6000: Tiền lương	2.843.640.000	1.805.817.064	63,50	105
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		33.948.620		55
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.645.360.000	1.025.643.576	62,34	96
	Mục 6200: Tiền thưởng	20.000.000	17.433.000	87,17	100
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	20.000.000	4.965.000	24,83	310
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	980.000.000	516.580.800	52,71	102
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		3.456.800		54
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	745.000.000	1.105.035.553	148,33	81
					67
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	60.000.000	86.248.722	143,75	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	97.000.000	275.626.000	284,15	185
					44
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	19.000.000	6.249.231	32,89	
	Mục 6650: Hội nghị	10.000.000	0	0,00	0
	Mục 6700: Công tác phí	74.000.000	45.360.000	61,30	130
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	100.000.000	39.952.000	39,95	44
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	141.800.000	361.624.000	255,02	52
					187
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	120.000.000	73.400.000	61,17	
					103
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	123.200.000	210.975.600	171,25	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	5.600.000		74
	Tiểu mục 7053: Mua , bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	-	5.600.000		74
d	Các khoản chi khác	25.000.000	151.731.471	606,93	464
	Mục 7750: Chi khác	25.000.000	151.731.471	606,93	464

H. T. X. Đ. Đ. C.
 TRƯỞNG
 CƠ SỞ
 EN BUC CANG
 H. N. N. D. Y.

2	Chi không thường xuyên	9.000.000	0	0,00	0,00
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9.000.000	0	0,00	0,00
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	9.000.000	0	0,00	

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hồng Quảng

TRƯỜNG T. QUẢNG

Đồng Triều, ngày 22 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Quảng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH

Chương: 622-070-073

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 196/QĐ-TrTHCS ngày 22/9/2021 của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Đức Cảnh)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Đồng Triều, ngày 22 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Quảng

T số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH

Chương: 622-070-073

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-TrTHCS ngày 17/8/2021 của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Đức Cảnh)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-26.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-26.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-26.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Đông Triều, ngày 17 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Quảng